

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 7 - 2021
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Được

2. Ông Tô Ngọc Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:
Ông Hồ Thanh Hiền - Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 264/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 292/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 277/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phan Trọng L, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 89, ấp AP, xã ATT, huyện CM, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Thái Thu T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp AP, xã ATT, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phan Trọng L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thạnh Trung vào ngày 20/3/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà của ba mẹ anh tại ấp

AP, xã ATT, huyện CM, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống tới khoảng đầu 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cãi nhau thường xuyên, sau đó chị T bỏ về nhà mẹ ruột ở. Từ đầu 2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Trong thời gian ly thân, gia đình hai bên có động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh chị và bản thân anh chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh L yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Phan Thành Đ, sinh ngày 28/6/2010; Phan Thái Ngọc N, sinh ngày 24/6/2013. Hiện nay cả hai con đang sống với chị T, khi ly hôn ông L đồng ý để chị T nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Thái Thu T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Anh Phan Trọng L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Chị Thái Thu T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phan Trọng L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Phan Trọng L khởi kiện xin ly hôn chị Thái Thu T có nơi cư trú tại ấp AP, xã ATT, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Chị Thái Thu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Thái Thu T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân: Anh Phan Trọng L và chị Thái Thu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An

Thanh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ngày 20/3/2015 theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ lời trình bày của anh Phan Trọng L, vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, gia đình hai bên có động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh chị và bản thân anh chị cũng có hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đề tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh L và chị T nhưng chị T đều vắng mặt, xem như đã tự từ bỏ quyền của mình nên Tòa án không tiến hành hòa giải được; bản thân chị T cũng không có tác động nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa anh chị, thể hiện chị T không có thiện chí níu kéo quan hệ hôn nhân giữa anh chị. Do đó, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc anh L yêu cầu ly hôn chị T phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với con chung: Anh Phan Trọng L xác định vợ chồng có 02 con chung tên Phan Thành Đ, sinh ngày 28/6/2010 và Phan Thái Ngọc N, sinh ngày 24/6/2013, hiện nay con chung đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, anh Phan Trọng L đồng ý để chị Thái Thu T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, chị T đã tự từ bỏ các quyền của mình trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và việc giao con chung chưa thành niên cho người chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Hiện nay các con chung đang sống với chị T từ thời điểm vợ chồng sống ly thân nên tình cảm của các cháu đã gắn liền với người nuôi dưỡng và các cháu cũng có nguyện vọng được sống với chị T. Để ổn định cuộc sống cho các con chung nên việc anh L đồng ý để chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Thái Thu T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nên anh Phan Trọng L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định khoản 2 Điều 82, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, chị T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[2.3] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, anh Phan Trọng L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phan Trọng L.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Trọng L được ly hôn chị Thái Thu T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 45 do Ủy ban nhân dân xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 20/3/2015 không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Chị Thái Thu T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phan Thành Đ, sinh ngày 28/6/2010; Phan Thái Ngọc N, sinh ngày 24/6/2013, hiện đang sống chung với chị Thái Thu T.

Anh Phan Trọng L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Thái Thu T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Phan Trọng L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Phan Trọng L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0002226 ngày 29/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười

lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- UBND xã An Thạnh Trung;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phước Sang